



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC

# TIẾNG VIỆT

LỚP

1

Quyển 1

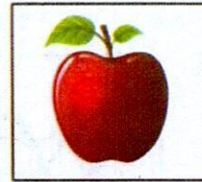
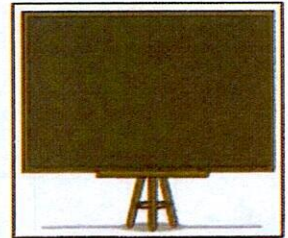
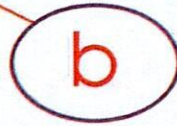
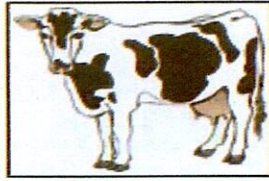






Tuần 1 – Tiết 1

Bài 1. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa âm **b** (theo mẫu):



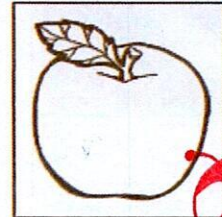
Bài 2. Gạch dưới những tiếng có chứa âm **a** (theo mẫu):

ba      na      bò      bơ      me      bà      bố  
bi      ca      gà      bé      bỏ      xa      nơ

Bài 3. Tìm và khoanh vào chữ cái **c** trong bảng sau:

a	e	c	m	c	ơ
c	n	k	e	o	c
r	c	h	c	b	y

Bài 4. Tô màu vào hình vẽ mà tên gọi có tiếng chứa dấu sắc:





Tuần 1 – Tiết 2

Bài 1. Điền:

a) o, ô hay ơ?

b\_\_ cỏ

vẽ c\_\_

lá c\_\_

võ b\_\_

cá c\_\_

c\_\_ áo

b) cỏ, bộ hay cờ?

Bố đi \_\_\_\_\_.

Bà đi \_\_\_\_\_.

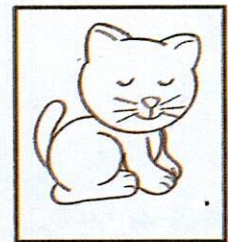
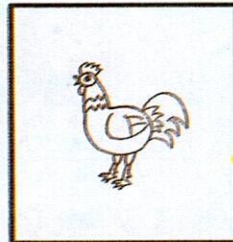
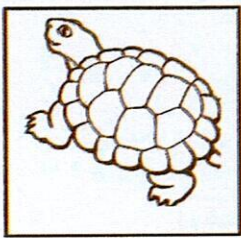
Bò bê no \_\_\_\_\_.

Bà có cá \_\_\_\_\_.

Bố có lá \_\_\_\_\_.

Bà bó bó \_\_\_\_\_.

Bài 2. Tô màu vào hình vẽ mà tên gọi có tiếng chứa dấu huyền:



Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa **dấu hỏi** (theo mẫu):

quả vải

chú thỏ

bó cỏ

lá sả

đu đủ

bể cá

vẽ bê

tủ gỗ

trẻ nhỏ

cỏ gà

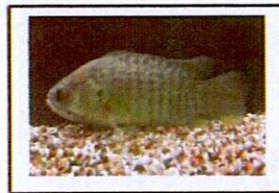
cả nhà

cua cá

Bài 4. Điền o, ô hay ơ?



cổ c\_\_



cá r\_\_



n\_\_



Tuần 1 - Tiết 3

Bài 1. Nối:

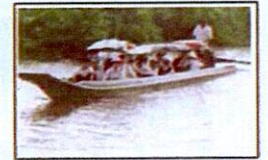


đò

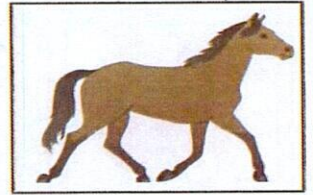
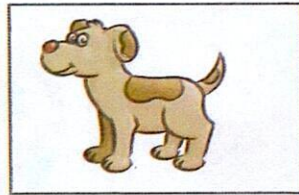
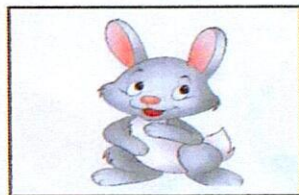
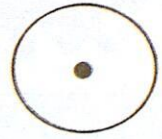
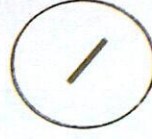
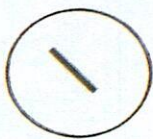
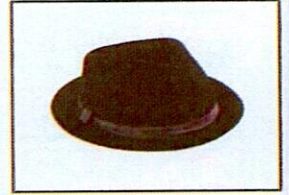
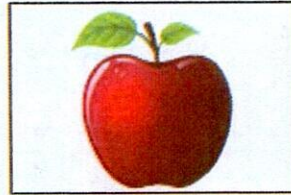
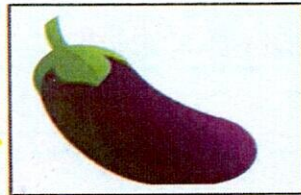
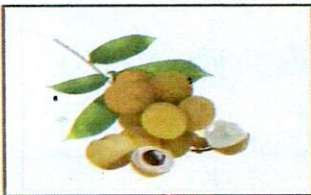
cò

đá

bò



Bài 2. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa dấu thanh (theo mẫu):



Bài 3. Điền:

a) **d** hay **đ**?

đò \_\_\_ ó

áo \_\_\_ a

\_\_\_ á đò

cờ \_\_\_ ó

ca \_\_\_ ã

\_\_\_ a bò

b) **da** hay **đỏ**?

\_\_\_ dẻ

\_\_\_ bò

\_\_\_ dê

đá \_\_\_

cờ \_\_\_

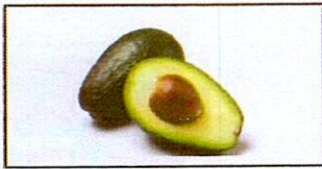
bí \_\_\_





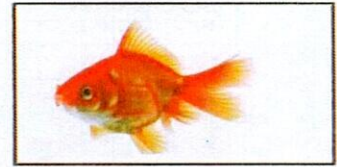
Phiếu tự luyện cuối tuần 1

Bài 1. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa âm **b**, âm **a**:

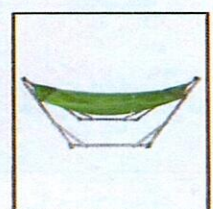
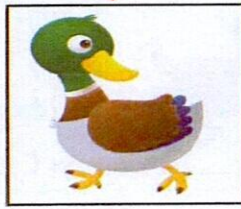
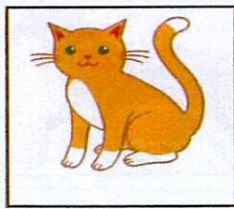
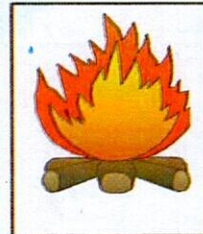
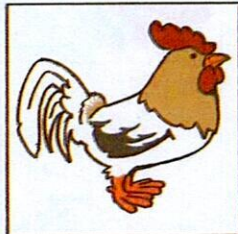
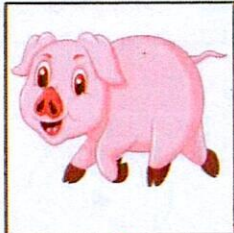


b

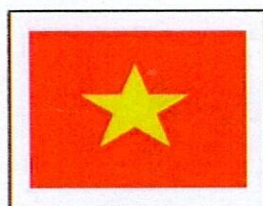
a



Bài 2. Nối các hình ảnh mà tên gọi chứa tiếng có cùng dấu thanh (theo mẫu):



Bài 3. Viết chữ phù hợp với hình ảnh (theo mẫu):



cọ

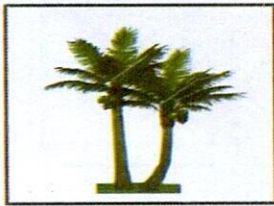
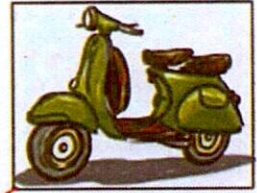
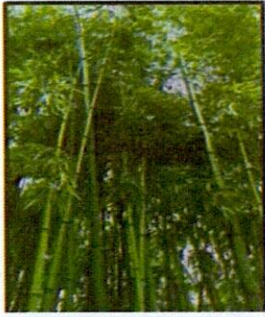
\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

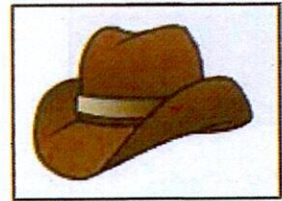


Tuần 2 – Tiết 1

Bài 1. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa âm e (theo mẫu):



e



Bài 2. Khoanh vào tiếng có chứa âm e, âm ê:

be      bò      mẹ      bé      bơ      dê      bê  
vẽ      về      ca      ba      be      bê      da

Bài 3. Điền i hay a?



đ \_\_\_\_\_



c \_\_\_\_\_



b \_\_\_\_\_

Bài 4. Nối (theo mẫu):

bể  
bó  
bế

cỏ  
cá  
bé

bi  
cá  
ba

ba  
bô  
bố



Tuần 2 – Tiết 2

Bài 1. Nối:



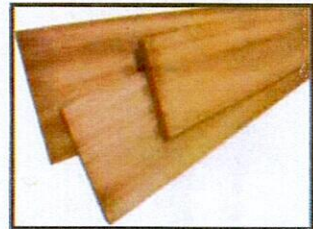
gỗ



gà



hồ



ghế đá

Bài 2. Điền:

a) **g** hay **gh**?

cá \_\_\_ ố

\_\_\_ ế đá

\_\_\_ à \_\_\_ ô

\_\_\_ ế \_\_\_ ố

\_\_\_ ồ \_\_\_ ề

\_\_\_ è đá

b) **gà** hay **ghế**?

Bà có bê, cò, \_\_\_\_\_

Bờ hồ có \_\_\_\_\_ đá.

Bài 3. Gạch dưới tiếng chứa âm **g**, âm **gh**:

gà

hè

ghi

ghế

gò

đế

ghé

bi

ba

ghẹ

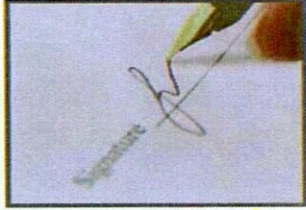
Bài 4. Hãy viết vào chỗ trống các âm và dấu thanh (theo mẫu):

Tiếng	Âm	Âm	Dấu
ghé	gh	e	'
gà			
ghẻ			
gỗ			
gụ			



Tuần 2 – Tiết 3

Bài 1. Nối:



cá kho



khí



khế



kí

Bài 2. Điền:

a) **k** hay **kh**?

\_\_ê ô

cá \_\_ô

khe \_\_ê

kha \_\_á

b) **c** hay **k**?

cũ \_\_ĩ

kì \_\_ọ

ê \_\_e

\_\_ì đà

\_\_ê hỏ

\_\_á cờ

\_\_ì lạ

\_\_á rô

c) **khe khê** hay **cá kho**?

Bé đi \_\_\_\_\_.

Cô có \_\_\_\_\_.

Bài 3. Hãy viết vào chỗ trống các âm và dấu thanh (theo mẫu):

Tiếng	Âm	Âm	Dấu
khế	kh	ê	'
khê			
khá			
kê			
kí			



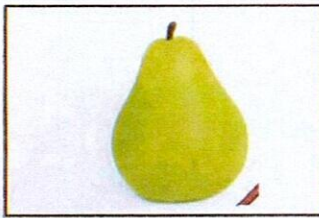


Phiếu tự luyện cuối tuần 2

Bài 1. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa âm e, âm ê:



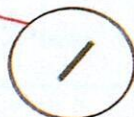
e



ê



Bài 2. Nối hình ảnh mà tên gọi có tiếng chứa dấu thanh (theo mẫu):



Bài 3. Viết chữ phù hợp với hình ảnh (theo mẫu):



bê bê



\_\_\_\_\_



\_\_\_\_\_

Bài 4. Nối:

a)

cá	đà
kì	cờ
hồ	cá

b)

bờ	gụ
gỗ	hồ
ghế	đá



Tuần 3 – Tiết 1

Bài 1. Nói:



hà mã

bố mẹ

ca nô

bó mạ



Bài 2. Điền **n** hay **l**?

no \_\_ê

\_\_ọ mã

\_\_á đa

Bài 3. Điền:

a) **n** hay **m**?

\_\_ò cá

ba \_\_á

\_\_ơ đồ

bố \_\_ẹ

lá \_\_ơ

cá \_\_è

b) **no**, **mẹ** hay **bé**?

Bé có \_\_\_\_\_ đồ.

Bà \_\_\_\_\_ bé vỗ về.

Cò \_\_\_\_\_ mò cá.

\_\_\_\_\_ bé Bi mổ cá mè.

Bài 4. Nối ô chữ để tạo thành từ, câu:

a) no

bó

ca

nô

nê

mạ

b) Bò

Mẹ

Má bé

no nê cỏ.

bị nê.

có lọ mạ.





Tuần 3 – Tiết 2

Bài 1. Nối:



ngô

nho

nhà

Bài 2. Gạch dưới tiếng chứa âm **ng**, khoanh vào chữ chứa âm **ng** (theo mẫu):

ngô nhỏ

củ nghệ

ng~~h~~ệ ọ

ngô nghê

ng~~h~~ỉ hê

đề nghị

bé ngủ

củ nghệ

ng~~h~~ã ng~~h~~ũ

ng~~h~~ủ khi

Bài 3. Điền **ng** hay **nh**?

\_\_\_\_\_ í hê

cá \_\_\_\_\_ ừ

\_\_\_\_\_ ã ba

\_\_\_\_\_ ủ khi

bé \_\_\_\_\_ ã

bê \_\_\_\_\_ é

bổ \_\_\_\_\_ ỡ

lá \_\_\_\_\_ ô

Bài 4. Nối theo mẫu:

a)

nhỏ	ga
nhà	cỏ
lá	nho
nghe	ọ

b)

bẹ	nghe
lá	lá
nhà	khi
ngủ	ngô

Bài 5. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

no / nghe / đã / cỏ / . / \_\_\_\_\_



Tuần 3 – Tiết 3

Bài 1. Nối:

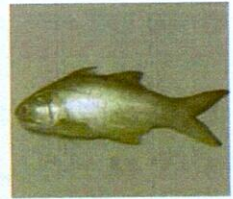


cá nhụ

đu đủ

ngủ khi

củ nghệ



Bài 2. Điền:

a) u hay ư?

th\_\_ đơ

tu h\_\_

n\_\_ bí

ng\_\_ khi

đ\_\_ đủ

c\_\_ nghệ

từ f\_\_

do d\_\_

b) nụ, củ hay ngủ?

Dì Na có cá \_\_\_\_\_.  
\_\_\_\_\_ bí đã ngủ.

Bà có \_\_\_\_\_ nghệ để kho cá.  
Mẹ có \_\_\_\_\_ bí.

Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa âm u (theo mẫu):

như

mé

nhừ

dự

đu

dù

bi

củ

xú

cú

nhũ

củ

Bài 4. Nối ô chữ để tạo thành từ:

a)

cá

đu

đu

chú

dì

dự

do

ngủ

b)

nụ

ngu

cá

củ

ngơ

bí

nhụ

nghệ



**Phiếu tự luyện cuối tuần 3**

**Bài 1.** Điền từ **cá ngữ, củ nghệ** hoặc **ngủ hè** vào chỗ chấm:

- \_\_\_\_\_, bé ở nhà.
- Bà kho \_\_\_\_\_
- Mẹ có \_\_\_\_\_ để kho cá.

**Bài 2.** Điền:

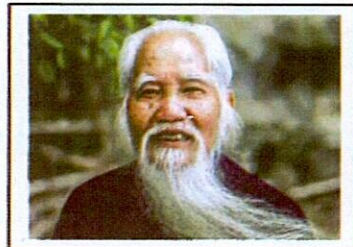
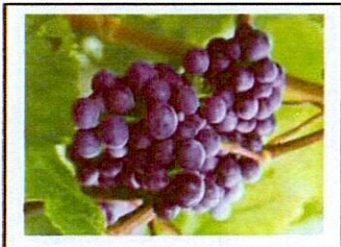
a) **n** hay **nh**?

nhỏ \_\_\_ẹ      lá \_\_\_o      \_\_\_ổ đỗ      lá \_\_\_a  
 \_\_\_o nê      bé \_\_\_ỏ      \_\_\_ụ cà      \_\_\_ơ đỏ

b) **ng** hay **ngh**?

chú \_\_\_é      ý \_\_\_ĩ      lá \_\_\_ô      từ \_\_\_ũ  
 củ \_\_\_ệ      \_\_\_ỏ nhỏ      \_\_\_ã ba      \_\_\_ỉ lễ

**Bài 3.** Viết chữ phù hợp với hình ảnh:



**Bài 4.** Hãy viết vào chỗ trống các âm và dấu thanh (theo mẫu):

Tiếng	Âm	Âm	Dấu
nghe	ng	e	'
ngủ			
nghe			
ngợ			



Tuần 4 – Tiết 1

Bài 1. Nói:



giá đỗ



quả nho



quả thị



giỏ cá

Bài 2. Điền:

a) **qu** hay **gi**?

giã \_\_\_\_ ò

cụ \_\_\_\_ à

\_\_\_\_ á cả

\_\_\_\_ á đỗ

chả \_\_\_\_ ế

\_\_\_\_ ả mơ

b) **quà**, **quả** hay **giỏ**?

Bà cho bé \_\_\_\_\_ quê.

Bé Hà mê \_\_\_\_\_ bà cho.

Quà bà cho là \_\_\_\_\_ mơ.

Chú Quế cho bé \_\_\_\_\_ quà.

Bài 3. Gạch dưới tiếng chứa âm **gi** (theo mẫu):

giá đỗ

cụ già

giỏ gi

giã giò

ghi nhớ

đề nhị

dì chú

giỏ to

giò chả

gia vị

Bài 4. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) quà / quê / bé / có / . /

\_\_\_\_\_

b) cá / giỏ / mẹ / có / . /

\_\_\_\_\_



Tuần 4 – Tiết 2

Bài 1. Gạch dưới tiếng chứa âm v:

vẽ      vé      ve      bẽ      bể      vế  
 bẽ bẽ      bệ vệ      bẻ bẻ      hè vể      be be      vể hể

Bài 2. Điền:

a) **ph** hay **nh**?

\_\_\_\_\_ à lá                      \_\_\_\_\_ ở bò                      \_\_\_\_\_ ổ mạ  
 khu \_\_\_\_\_ ổ                      \_\_\_\_\_ í cơ                      nhớ \_\_\_\_\_ à

b) **gà**, **quê** hay **phố**?

Bố mẹ cho bé ra \_\_\_\_\_ .                      Gà ri là \_\_\_\_\_ nhà.  
 Bố và bé Hà đi về \_\_\_\_\_ .                      Bà cho bé ra \_\_\_\_\_ đi bộ.

Bài 3. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) bé / đi / phà / mẹ / . /

\_\_\_\_\_

b) Hà / mẹ / đi / phố / . /

\_\_\_\_\_

Bài 4. Viết chữ phù hợp với hình ảnh:



\_\_\_\_\_



\_\_\_\_\_



\_\_\_\_\_



Tuần 4 – Tiết 3

Bài 1. Nói:



thỏ

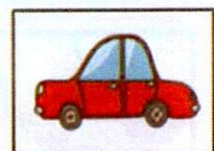
sư tử

rễ đa

ô tô

thợ nề

tổ cò



Bài 2. Điền:

a) t hay th?

\_\_\_ ô vẽ

\_\_\_ ơ ca

\_\_\_ ợ mỏ

b) r hay s?

\_\_\_ ố ba

cá \_\_\_ ô

\_\_\_ ổ khế

\_\_\_ ở thú

vỏ \_\_\_ ò

\_\_\_ u su

c) ổ, tổ, thi hay tha?

Gà mẹ có \_\_\_ để đẻ.

Cò có \_\_\_ để ở.

Cò mẹ \_\_\_ cá về tổ.

Thứ tư bé Thơ \_\_\_ vẽ.

Bài 3. Nối ô chữ để tạo thành từ, câu:

a) tủ

cá

thủ

gỗ

thả

thí

b) Tổ đế

Bé và mẹ

Bé vẽ

bà và mẹ.

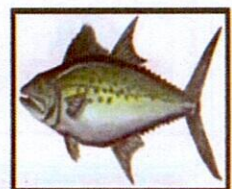
bé tí ti.

mổ cá mè.



Phiếu tự luyện cuối tuần 4

Bài 1. Nối:

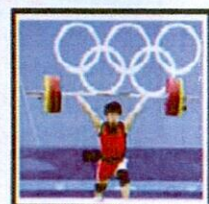


cá thu

lá thư

củ vọ

củ tạ



Bài 2. Nối:

tổ

thứ

thọ

tư

mỏ

cò

thỏ

thơ

ra

về

thẻ

ca

Bài 3. Điền:

a) s hay r?

rổ \_\_\_\_ á

\_\_\_\_ơ mi

\_\_\_\_ư tử

nở \_\_\_\_ộ

\_\_\_\_ễ đa

xổ \_\_\_\_ố

cá \_\_\_\_ô

vỏ \_\_\_\_ò

b) qu hay gi?

\_\_\_\_a phà

\_\_\_\_a sư

\_\_\_\_a vị

\_\_\_\_ả ổi

\_\_\_\_ê nhà

\_\_\_\_ả khế

\_\_\_\_ó to

\_\_\_\_ỏ quà

c) sả hay rá?

Mẹ cho dì rổ, \_\_\_\_.

Bà để su su, củ \_\_\_\_ ở rổ.

Bài 4. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

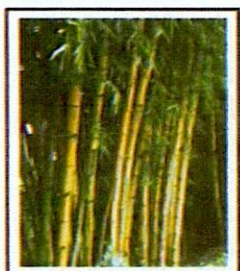
a) bé / cô / vẽ / . /

b) bé / vở / vẽ / có / . /



Tuần 5 – Tiết 1

Bài 1. Nối:

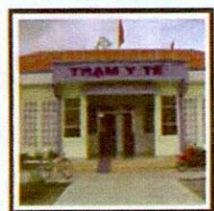


y tế xã

tre ngà

nhà trẻ

cá trê



Bài 2. Điền:

a) **y** hay **tr**?

\_\_\_ í nhớ

\_\_\_ tú

chú \_\_\_

\_\_\_ tá

như \_\_\_

pha \_\_\_ à

\_\_\_ bạ

nhà \_\_\_ ọ

b) **chợ**, **xe** hay **trẻ**?

Mẹ cho cu Tí đi nhà \_\_\_\_\_.

Cu Tí và mẹ đi \_\_\_\_\_ quê.

Ở nhà \_\_\_\_\_ có cô là mẹ.

\_\_\_\_\_ lu đã đi xa xe ca.

Bài 3. Nối ô chữ để tạo thành từ, câu:

a) **thủ**

**y**

**ý**

**quỹ**

**trí**

**nghĩ**

**nghề**

**nhớ**

b) **Bé Trà**

**ghi sổ y bạ.**

**Bố Nga**

**đi nhà trẻ.**

**Cô y tá**

**pha trà.**

**Mẹ bé**

**là nghệ sĩ.**

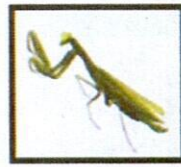


Tuần 5 – Tiết 2

Bài 1. Gạch dưới tiếng chứa vần **ua**, vần **ư**, vần **ia**:

- Bà ru bé ngủ trưa.
- Bé Na và chị Nga nô đùa.
- Mẹ mua cho bé tò bìa.
- Bữa trưa có cá và dưa chua.

Bài 2. Điền **ua** hay **ư**?



cà ch\_\_\_\_\_

b\_\_\_\_\_

bọ ng\_\_\_\_\_

chú r\_\_\_\_\_

Bài 3. Nối:

Mẹ ghi địa chỉ

Bé Na và chị Nga

Gió lùa

Mẹ mua giò lụa

nhà cô Thi.

cho bữa trưa.

nô đùa ở nhà bà.

qua khe cửa.

Bài 4. Điền **ia**, **ư** hay **ư**?

đ\_\_\_\_\_ sú

con c\_\_\_\_\_

m\_\_\_\_\_ dưa

m\_\_\_\_\_ đá

sửa ch\_\_\_\_\_

ch\_\_\_\_\_ sẻ

Bài 5. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) ru / bé / mẹ / ngủ trưa / . / \_\_\_\_\_

b) đi bộ / Nga / vỉa hè / ở / . / \_\_\_\_\_



Tuần 5 – Tiết 3

Bài 1. Nói (theo mẫu):

phú thọ	Củ Chi
củ chi	Cô Tô
cô tô	Ba Bể
ba bể	Phú Thọ
võ gia trí	Ngô Lệ Chi
lê tố nga	Lê Tố Nga
ngô lệ chi	Võ Gia Trí

Bài 2. Điền **chia**, **bìa** hoặc **vía** vào chỗ chấm:

Bà \_\_\_\_\_ quà cho chị Hà và cu Tí.

Bé Nga đi bộ ở \_\_\_\_\_ hè.

Cu Tí bé, bà \_\_\_\_\_ cho quả to.

Chị Hà cho bé tờ \_\_\_\_\_ đồ.

Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa vần **ia**, khoanh vào tiếng có chữ viết hoa:

- Bà có lá tía tô.

- Bà chia quà cho bé và chị Nga.

- Mẹ đổ giá đỗ ra nia.

- Chị Na và bé Nga đi bộ ở vỉa hè.

- Bà ở quê ra. Bà chia quà cho cả nhà. Bà cho bố mẹ đĩa sù, cho chị Hà mía và cho bé quả lê.

Bài 4. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) tờ / bìa / có / Chi / đồ / . /

b) tía tô / có / chị Lụa / lá / . /



Phiếu tự luyện cuối tuần 5

Bài 1. Nối (theo mẫu):

a	S	i	D
s	X	d	B
x	A	b	I

(A red line connects 'a' to 'A' in the example.)

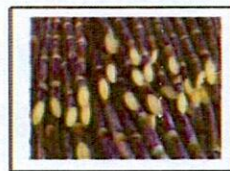
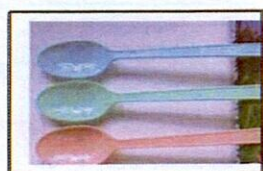
Bài 2. Đọc và ghi lại (theo mẫu):

m	ua		mua	đ	ư		
c	ua			d	ư		
r	ư			d	ư		

Bài 3. Khoanh vào từ có tiếng chứa vần **ia** (theo mẫu):

tờ bìa     
  kì lạ     
  thìa nhỏ     
  vỉa hè  
 ngô nghê     
  vỏ bia     
  quả na     
  số hai

Bài 4. Viết chữ phù hợp với hình ảnh:



Bài 5. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) chia quà / Hà / mẹ / cho / . / \_\_\_\_\_

b) sữa xe / bé Thu / bố / cho / . / \_\_\_\_\_



Tuần 6 – Tiết 1

**Bài 1.** Gạch dưới tiếng chứa vần **ai**, vần **ay**, vần **ây**:

- Chú Hải lái xe tải. Xe của chú chở bia, mía cho bố Mai.
- Ngày ngày, khi gà vừa gáy, nai đã dậy để chạy nhảy.
- Giữa trưa hè oi ả, có gió nhẹ thổi qua. Bà ngồi nghỉ ngơi ở ghế tựa. Bé với chị chơi nhảy dây rồi đi ngủ trưa.

**Bài 2.** Điền **ai**, **ay** hay **ây**?

ngủ s\_\_\_\_\_

x\_\_\_\_\_ lúa

t\_\_\_\_\_ trái

l\_\_\_\_\_ xe

số h\_\_\_\_\_

b\_\_\_\_\_ nhảy

gà g\_\_\_\_\_

cối x\_\_\_\_\_

m\_\_\_\_\_ b\_\_\_\_\_

đám m\_\_\_\_\_

đôi gi\_\_\_\_\_

v\_\_\_\_\_ cá

**Bài 3.** Nối:

Chú nai

chạy nhảy.

Bố bé

có dưa chua.

Chị Hải

quả vải.

Bữa ăn

cây mía.

Mẹ mua

hái khế chua.

**Bài 4.** Ghép thành tiếng và ghi lại (theo mẫu):

t — ai — [ ] → tai

c — ây — [ ] → [ ]

t — ai — ' — [ ] → [ ]

c — ây — [ ] → [ ]

t — ai — ` — [ ] → [ ]

c — ây — ' — [ ] → [ ]



Tuần 6 – Tiết 2

**Bài 1.** Gạch dưới tiếng chứa vần **oi**, vần **ôi**:

- Bà cho bé gói quà quê.

- Chú voi có cái vòi dài.

- Bà mua xôi cho bé.

- Mẹ hái quả ổi cho bé Tài.

**Bài 2.** Nối:



đồ chơi

thời còi

cái chổi

gà mái

**Bài 3.** Điền **oi**, **ôi** hay **ơ**?

quả r\_\_\_\_\_

b\_\_\_\_\_ cá

chó s\_\_\_\_\_

ng\_\_\_\_\_ mới

đi ch\_\_\_\_\_

lễ h\_\_\_\_\_

**Bài 4.** Nối:

Xe tải

rửa cối để giã giò.

Mẹ

chở gỗ.

Bố Hải

ở thủ đô Hà Nội.

Nhà Hải

cài nơ cho bé Mai.

**Bài 5.** Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) với / cò / chơi / chú Thái / bé Tài / . /

b) xe / lái / bố Hải / ô tô / . /



**Tuần 6 – Tiết 3**

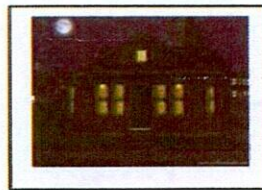
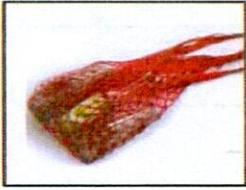
**Bài 1.** Gạch dưới tiếng chứa vần **ui**, vần **ưi**:

- Bà lúi húi thổi xôi.

- Bé gửi thư cho chú bộ đội.

- Bố đi bộ đội xa nhà, Nhi gửi thư cho bố. Nhi kể với bố về bà, mẹ và bé Mai.

**Bài 2.** Nối:



cây cối

túi lưới

cối xay

buổi tối

**Bài 3.** Đánh dấu **x** vào ô trống (theo mẫu):

tiếng	vần	
	ui	ưi
túi	x	
gửi		x
lúi		
chúi		

tiếng	vần	
	uôi	ươi
buổi		
cười		
nguội		
mười		

**Bài 4.** Điền **gửi**, **núi**, **đổi** hoặc **tối** vào chỗ chấm:

Gió thổi qua khe \_\_\_\_\_.

Nghỉ hè, tôi sẽ \_\_\_\_\_ Cô Tô.

Xa xa kia là \_\_\_\_\_ núi.

Bố \_\_\_\_\_ thư và quà cho bé Trà.

**Bài 5.** Viết tiếng có chứa vần:

- **ưi**: \_\_\_\_\_

- **oi**: \_\_\_\_\_

- **ươi**: \_\_\_\_\_



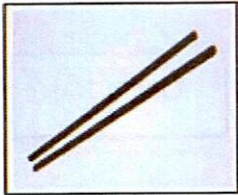
Phiếu tự luyện cuối tuần 6

Bài 1. Nối:

Cô và mẹ  
 Chị Hà  
 Gió  
 Cây ổi

thổi qua mái nhà.  
 có đôi môi đỏ.  
 cho bé quả dưa hấu.  
 đã thay lá mới.

Bài 2. Nối:



nải chuối

túi

đôi đũa

Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa vần **ay**, vần **ây**:

bay nhảy

giày da

thợ may

số bảy

cỏ may

giỏ mây

khay đá

trái cây

Bài 4. Nối:

Cá bơi  
 Mái ngói  
 Chú chó  
 Nhà bé

đỏ tươi.  
 nuôi gà.  
 dưới suối.  
 vẫy đuôi.



Tuần 7 – Tiết 1

**Bài 1.** Gạch dưới tiếng chứa vần **eo**, vần **ao**:

- Chú mèo nhà em leo trèo giỏi ghê.

- Cây cau cao cao.

- Nhà bà nội có cây táo và cây bưởi.

- Bé ngồi thổi sáo.

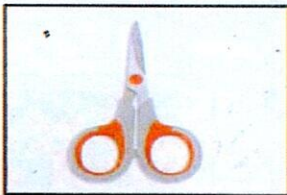
**Bài 2.** Nối:



cái kéo



chào cờ



trái đào



cá heo

**Bài 3.** Đánh dấu **x** vào ô trống (theo mẫu):

tiếng	vần	
	eo	ao
mèo	x	
sáo		x
kéo		
đào		
chào		

tiếng	vần	
	au	âu
cau		
trầu		
cầu		
màu		
cháu		

**Bài 4.** Điền **trầu**, **cháu**, **rào** hoặc **sáo** vào chỗ chấm:

- Bà có \_\_\_\_\_ cau.

- Suối chảy rì \_\_\_\_\_ giữa khe đá.

- Bà và \_\_\_\_\_ đi dạo.

- Gió thổi lao xao, bé ngồi thổi \_\_\_\_\_.

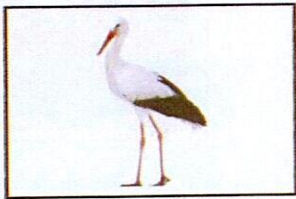


Tuần 7 – Tiết 2

Bài 1. Gạch dưới tiếng chứa vần **êu**, vần **iu**:

Mẹ kể với cả nhà, khi nhỏ xíu, Nhi hay mếu máo, nín áo đòi chị bế đi chơi. Khi ấy, chị Hà lại trêu đùa để bé cười. Giờ thì Nhi đã cao kều, có thể trêu đùa lại chị.

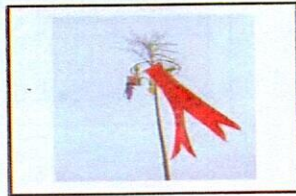
Bài 2. Nối:



cây nêu



triu quả



quả lựu



con sếu

Bài 3. Nối thành từ rồi viết lại:

tí

cừ

\_\_\_\_\_

trêu

đùa

\_\_\_\_\_

chú

xíu

\_\_\_\_\_

Bài 4. Viết tiếng có chứa vần:

- ao: \_\_\_\_\_

- ưu: \_\_\_\_\_

- eo: \_\_\_\_\_

- êu: \_\_\_\_\_



Tuần 7 – Tiết 3

Bài 1. Gạch dưới tiếng chứa vần **iêu**, vần **yêu**:

- Hoa là cô bé **hiếu** thảo.
- Bé **yêu** mẹ và cô.
- Bà nội Hà đã già **yếu**.
- Thầy cô dạy cho bé nhiều điều hay, lẽ **phải**.

Bài 2. Nối:



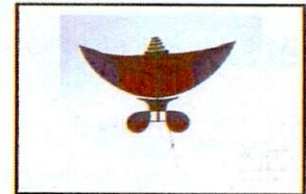
cái chiếu



già yếu



điều sáo



chú hươu

Bài 3. Điền:

a) **iêu** hay **yêu**?

\_\_\_\_\_ cầu

h\_\_\_\_\_ bài

\_\_\_\_\_ tổ

giới th\_\_\_\_\_

thả d\_\_\_\_\_

h\_\_\_\_\_ thảo

b) Điền **điều**, **yêu** hay **hươu**?

- Bé Hải và chị Thảo đi thả \_\_\_\_\_ sáo.

- Cả nhà đều \_\_\_\_\_ quý bé.

- Bé thấy chú \_\_\_\_\_ ở sở thú.



**Phiếu tự luyện cuối tuần 7**

**Bài 1.** Ghép thành tiếng và ghi lại (theo mẫu):

ph — ao —  → phao

l — êu — ' —

ch — eo — ' —

h — iêu — ' —

r — au —  →

kh — ươu — ' —

**Bài 2.** Nối:

Mẹ

hiu hiu thổi.

Cây vải

thêu áo cho bé.

Gió

sai trĩu quả.

Bé Hà

có đồ chơi nhỏ xíu.

**Bài 3.** Điền **iu** hay **êu**:

th\_\_\_\_\_thù

đi đ\_\_\_\_\_

tr\_\_\_\_\_đùa

ch\_\_\_\_\_khó

k\_\_\_\_\_gọi

hiu h\_\_\_\_\_

**Bài 4.** Tìm tiếng có chứa vần:

- **iu**: \_\_\_\_\_

- **iêu**: \_\_\_\_\_

- **ươu**: \_\_\_\_\_

- **ươu**: \_\_\_\_\_

**Bài 5.** Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) cây / sai / trĩu / cau / quả / . /

\_\_\_\_\_

b) yêu quý / bé / cha / mẹ / . /

\_\_\_\_\_

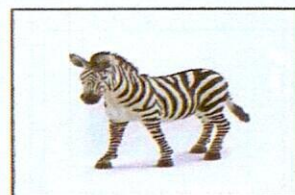


Tuần 8 – Tiết 1

Bài 1. Nối:



bàn ghế



cần cầu



ngựa vằn



cái cân

Bài 2. Gạch dưới tiếng chứa vần **ăn**, vần **ân**:

- Em cần giữ vở cẩn thận.

- An Chi là bạn thân của em.

- Bé và chị nặn con thỏ.

- Ngày mùa, lúa phơi đầy sân.

Bài 3. Điền **an** hay **ăn**:

b\_\_\_\_\_ học

kh\_\_\_\_\_ giả

b\_\_\_\_\_ bè

d\_\_\_\_\_ dò

củ s\_\_\_\_\_

đ\_\_\_\_\_ gà

Bài 4. Nối ô chữ để tạo thành từ, câu:

a)

cẩn

mấn

may

thận

gần

gũi

b)

ân

lặn

múa

cẩn

bơi

lân

c)

Mẹ Vân

rất ân cần.

Gà mẹ

ghi bài cẩn thận.

Bé và bạn

gọi đàn gà con.



Tuần 8 – Tiết 2

Bài 1. Nối:



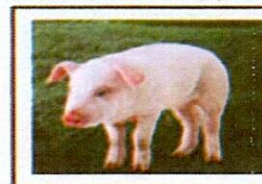
hoa sen



con chồn



con lợn



ốc sên

Bài 2. Gạch dưới tiếng có chứa vần **ôn**, vần **ơn**:

- Bố em là thợ sơn.
- Thôn bản đã lên đèn.
- Bé Hà đã lớn hơn nhiều.
- Con cò đi đón cơn mưa.
- Mai sau khôn lớn, bé sẽ là cô giáo.
- Cây cối tươi non mơn mớn.

Bài 3. Điền **en** hay **ên**?

con nh \_\_\_\_\_ yêu m \_\_\_\_\_ áo l \_\_\_\_\_ b \_\_\_\_\_ phải  
ngọn n \_\_\_\_\_ đ \_\_\_\_\_ dầu giấy kh \_\_\_\_\_ để m \_\_\_\_\_

Bài 4. Điền **khôn lớn**, **rón rén** hoặc **bún riêu** vào chỗ trống:

- Bé ăn món \_\_\_\_\_ mẹ nấu.
- Mèo con đi \_\_\_\_\_ bên bàn.
- Mai sau \_\_\_\_\_, bé sẽ là cô giáo.

Bài 5. Nối:

Bố Ngân

ngồi ôn bài.

Cô giáo

nối đuôi nhau vào bến.

Bé Mai

sơn bàn ghế.

Tàu bè

khen ngợi bé.

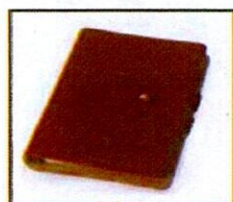


Tuần 8 – Tiết 3

Bài 1. Nối:



con vượn



cuốn sổ



cuộn dây



con lươn

Bài 2. Gạch dưới tiếng có chứa vần **ôn**, vần **ơn**:

- Bé yêu vườn trẻ.

- Đàn yến bay lượn trên bầu trời.

- Suối nguồn tuôn chảy.

- Mưa tuôn rào rào, gió cuốn dữ dội.

Bài 3. Điền **iên** hay **yên**?

k \_\_\_\_\_ nhẵn

m \_\_\_\_\_ núi

thiếu n \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_ trí

\_\_\_\_\_ tinh

\_\_\_\_\_ ngựa

Bài 4. Điền **đảo**, **biển** hoặc **san hô** vào chỗ trống:

- Mùa hè tới, bố mẹ cho Yến đi \_\_\_\_\_ Cửa Lò.

- Dưới đáy biển có nhiều \_\_\_\_\_.

- Phía khơi xa có nhiều hòn \_\_\_\_\_ nhỏ.

Bài 5. Nối:

Bé

cao vời vợi.

Trên bàn

đi chợ phiên.

Bầu trời

có bốn viên phần.

Lợn con

vui chơi trên bãi biển.

Bà Liên

kêu ủn ỉn.



Phiếu tự luyện cuối tuần 8

Bài 1. Điền:

a) **on, ôn** hay **ơn**?

lon t \_\_\_\_\_

bỏ tr \_\_\_\_\_

h \_\_\_\_\_ đá

s \_\_\_\_\_ ca

con ch \_\_\_\_\_

khôn l \_\_\_\_\_

b) **an, ân** hay **ăn**?

cái ch \_\_\_\_\_

lời nh \_\_\_\_\_

ân c \_\_\_\_\_

nhỏ nh \_\_\_\_\_

lan c \_\_\_\_\_

căn d \_\_\_\_\_

c) **in** hay **un**?

đèn p \_\_\_\_\_

h \_\_\_\_\_ khối

con gi \_\_\_\_\_

n \_\_\_\_\_ thờ

bản t \_\_\_\_\_

giấy v \_\_\_\_\_

Bài 2. Gạch dưới tiếng có chứa vần **en**, vần **ên**:

Đế Mèn và Nhện là đôi bạn thân. Đế Mèn rủ Nhện ôn bài ở ven hồ. Đế Mèn ngồi trên lá sen lớn, còn Nhện ngồi trên lá sen bé hơn. Cả hai say sưa ôn bài cho đến tối.

Trả lời câu hỏi:

a) Đế Mèn rủ Nhện ôn bài ở đâu? \_\_\_\_\_

b) Ai ngồi ôn bài trên lá sen lớn? \_\_\_\_\_

Bài 3. Viết tiếng có chứa vần:

- in: \_\_\_\_\_

- en: \_\_\_\_\_

- un: \_\_\_\_\_

- ên: \_\_\_\_\_

Bài 4. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

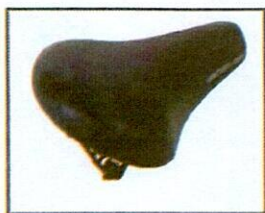
a) đã / cây / lựu / quả / ra / . / \_\_\_\_\_

b) yên / bé / trên / ngồi / xe / . / \_\_\_\_\_



Tuần 9 – Tiết 1

Bài 1. Nói:



yên xe

số chín

đàn kiến

bún bò

Bài 2. Tạo tiếng chứa vần theo mẫu:

Vần	an	ăn	ân	on	in
Tiếng	lan				

Bài 3. Tìm tiếng và từ có chứa vần theo mẫu:

Vần	ân	ên	iên	uôn	ươi
Tiếng	bạn				
Từ	bạn rộn				

Bài 4. Nói:

a) chuẩn  
vườn  
tuôn  
suôn

rau  
chuẩn  
sẻ  
rơi

b) để  
sơn  
mưa  
hiển

phùn  
ca  
hậu  
mèn

c) Số ba  
Bé Sơn  
Núi lửa

phun trào.  
bé hơn số bốn.  
xin lỗi mẹ.



Tuần 9 – Tiết 2

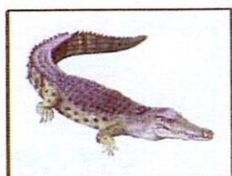
Bài 1. Gạch dưới tiếng có chứa vần **au**, vần **âu**:

- Chú bồ câu đưa thư cho bố.

- Cây sấu đã ra quả.

- Bà chia quà cho cháu.

Bài 2. Điền **au**, **âu**, **eo** hay **ao**?



cá s\_\_



ngôi s\_\_



r\_\_ cải



chú m\_\_

Bài 3. Nối:

Bà nội

ngồi thuyền gỏi.

Chị Chi

rì rào.

Tàu đi

nấu cháo gà.

Bé có

qua núi.

Gió thổi

trái dâu tây.

Bài 4. Điền **au** hay **âu**?

l\_\_ sậy

cô d\_\_

m\_\_ nâu

c\_\_ đồ

quả c\_\_

c\_\_ thơ

hoa c\_\_

r\_\_ mùi

cây c\_\_

Bài 5. Điền **eo** hay **ao**?

hò r\_\_

cái ph\_\_

thể th\_\_

bờ r\_\_

leo tr\_\_

h\_\_ khô



Tuần 9 – Tiết 3

Bài 1. Ghép thành tiếng rồi viết lại:

k eo ' → \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_ yêu ' → \_\_\_\_\_

ph êu ~ → \_\_\_\_\_

b ao ' → \_\_\_\_\_

h iêu ' → \_\_\_\_\_

c âu ' → \_\_\_\_\_

Bài 2. Nối:

Mẹ

cua bể.

Bố mua

thêu áo cho bé.

Cây nhãn

có nhiều đồ chơi.

Bé Hà

sai trĩu quả.

Bài 3. Viết tiếng có chứa vần:

- **uôn**: \_\_\_\_\_

- **iên**: \_\_\_\_\_

- **ươn**: \_\_\_\_\_

- **yên**: \_\_\_\_\_

Bài 4. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại:

a) kiến lửa / tổ / xây / mới / . / \_\_\_\_\_

b) bé / điều / hay / nói / . / \_\_\_\_\_

c) Lan / tươi / cười / quá / bạn / . / \_\_\_\_\_

Bài 5. Viết câu chứa từ **yêu quý**:

\_\_\_\_\_



Phiếu tự luyện cuối tuần 9

Bài 1. Nối:

Cô và mẹ

chơi trò đố chữ.

Chị Tươi

đều hiền dịu.

Chị và bé

đưa khế chua cho mẹ.

Chuồn chuồn

bay lượn trên bãi cỏ.

Bài 2. Nối thành từ rồi viết lại:

khéo

bơi

\_\_\_\_\_

phao

đầu

\_\_\_\_\_

lắc

léo

\_\_\_\_\_

Bài 3.

Hè qua thu về  
 Chú ve đã ngủ  
 Chị gió la đà  
 Bờ tre, lá cọ.

Quả na, quả thị  
 Quả bí, quả cà  
 Mẹ bé đi chợ  
 Chở thu về nhà.

(“Thu về” – Huệ Triệu)

Có những mùa nào trong bài thơ trên?

\_\_\_\_\_

Có những quả nào trong bài thơ trên?

\_\_\_\_\_









**ARCHIMEDES**

**MẦM NON ARCHIMEDES KIDS**

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 098 713 5966

**Tiểu học ARCHIMEDES ACADEMY**

Trường Công Giải, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 094 396 6166

**THCS ARCHIMEDES ACADEMY**

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 094 769 7171

**TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH**

Lô I-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội  
ĐT: 039 235 3535